

Bản án số: 58/2024/HNGĐ-ST
Ngày 20-6-2024
V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con
khi ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LỤC YÊN, TỈNH YÊN BÁI

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Đăng Ninh
Các Hội thẩm nhân dân: Ông Hoàng Đình Văn
Ông Trần Văn Dũng

Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Hoàng Ngọc Triều – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Lục Yên, tỉnh Yên Bái.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lục Yên, tỉnh Yên Bái tham gia phiên tòa: Không.

Ngày 20 tháng 6 năm 2024 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Lục Yên, tỉnh Yên Bái tiến hành xét xử công khai sơ thẩm vụ án thụ lý số: 110/2024/TLST–HNGĐ ngày 14-5-2024 về việc “*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 64/2024/QĐXXST-DS ngày 06 tháng 6 năm 2024, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn:* chị **Hoàng Thị X** – Sinh năm 1990
Địa chỉ: **Thôn N, xã L, huyện L, tỉnh Yên Bái** (vắng mặt, có lý do)
- Bị đơn:* anh **Vương Văn D** – Sinh năm 1985
Địa chỉ: **Thôn N, xã L, huyện L, tỉnh Yên Bái** (vắng mặt, có lý do)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 14-5-2024, các lời khai tiếp theo nguyên đơn **Hoàng Thị X** trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: chị và anh **Vương Văn D** kết hôn vào ngày 02-01-2009 trên cơ sở tự nguyện có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân (UBND) **xã L, huyện L, tỉnh Yên Bái**. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hòa thuận đến năm 2019 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do bất đồng quan điểm sống, không có tiếng nói chung. Vợ chồng sống ly thân từ năm 2019 đến nay, không còn quan tâm đến nhau.

Nay xác định tình cảm không còn, chị **X** yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn.

Về con chung: chị và anh **D** có 02 con là **Vương Thị Hồng D1**, sinh ngày 09-10-2009 và **Vương Văn T**, sinh ngày 28-4-2012, hiện đang ở cùng anh **D**. Sau khi ly hôn, chị **X** có yêu cầu anh **D** trực tiếp nuôi cả hai con, chị không cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: chị **X** không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại lời khai bị đơn **Vương Văn D** nhất trí về thời gian, địa điểm, điều kiện kết hôn của vợ chồng như chị **X** trình bày. Quá trình chung sống thực tế có mâu thuẫn do chị **X** đi làm xã không quan tâm gia đình.... Nay chị **X** yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn, anh đồng ý.

Về con chung: anh và chị **X** có 02 con như chị **X** trình bày là đúng, sau khi ly hôn anh có yêu cầu nuôi cả hai con, không yêu cầu chị **X** cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: anh **D** không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quá trình giải quyết vụ án Tòa án, chị **X** có đơn yêu cầu Tòa án không tiến hành hòa giải, do đó vụ án thuộc trường hợp không tiến hành hòa giải được theo khoản 4 Điều 207 của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và được thẩm tra tại phiên tòa, ý kiến của Kiểm sát viên. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về thủ tục tố tụng:* Theo quy định tại khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Lục Yên, tỉnh Yên Bái.

Tại phiên tòa hôm nay, các đương sự có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt. Vì vậy, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự là phù hợp với quy định tại Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] *Về quan hệ hôn nhân:* chị **Hoàng Thị X** và anh **Vương Văn D** có đăng ký kết hôn tại **UBND xã L, huyện L, tỉnh Yên Bái** theo Giấy chứng nhận kết hôn số 03 ngày 02-01-2009. Việc kết hôn này tuân thủ đúng các quy định của Luật hôn nhân và gia đình do đó đây là hôn nhân hợp pháp.

Xét yêu cầu ly hôn của nguyên đơn: qua lời khai của chị **X**, anh **D** thừa nhận quá trình chung sống thực tế vợ chồng có mâu thuẫn, mâu thuẫn kéo dài không thể khắc phục được, vợ chồng sống ly thân từ năm 2019 không còn quan tâm đến nhau. Theo nội dung đơn đề nghị xét xử vắng mặt, các đương sự đều có yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn.

Theo quy định tại khoản 1 Điều 19 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 “*Vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình*”.

Xét thấy mối quan hệ hôn nhân giữa chị **X** và anh **D** đã thực sự trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó,

theo quy định tại Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình, yêu cầu khởi kiện ly hôn của nguyên đơn, có căn cứ chấp nhận.

[3] *Về con chung*: chị X và anh D có 02 con là Vương Thị Hồng D1, sinh ngày 09-10-2009 và Vương Văn T, sinh ngày 28-4-2012. Tại lời khai các đương sự đều có yêu cầu sau ly hôn, anh D trực tiếp nuôi dưỡng cả hai con, các con có nguyện vọng ở với bố.

Xuất phát từ lợi ích mọi mặt và nguyện vọng của con, theo quy định tại Điều 81, Điều 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình, cần giao cả hai con cho anh D trực tiếp nuôi dưỡng, là phù hợp.

Anh Dũng không yêu cầu về cấp dưỡng nuôi con, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] *Về tài sản chung và nợ chung*: các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] *Về án phí*: nguyên đơn phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[6] *Về quyền kháng cáo*: các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định tại Điều 271, 273 của Bộ Luật Tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 56, 57, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân gia đình;

Căn cứ khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 228, Điều 271, 273 của Bộ Luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội ngày 30-12-2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

1. *Về quan hệ hôn nhân*: chị Hoàng Thị X được ly hôn với anh Vương Văn D.

2. *Về con chung*: giao cho anh Vương Văn D trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con là Vương Thị Hồng D1, sinh ngày 09-10-2009 và Vương Văn T, sinh ngày 28-4-2012 cho đến khi đủ 18 tuổi. Chị Hoàng Thị X không phải cấp dưỡng nuôi con.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. *Về án phí*: chị Hoàng Thị X phải chịu 300.000^d (ba trăm nghìn đồng)

tiền án phí dân sự sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000^d (ba trăm nghìn đồng) theo biên lai số AA/2023/0001734 ngày 14-

5-2024 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Lục Yên, tỉnh Yên Bái. Xác nhận chị X đã nộp đủ tiền án phí.

4. Về quyền kháng cáo: các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- TAND tỉnh YB;
- VKSND H. Lục Yên;
- THADS H. Lục Yên;
- UBND xã Liễu Đô;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ, TA.

Trần Đăng Ninh